

MÔN LỊCH SỬ

A - CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN

I - MỤC TIÊU

Môn Lịch sử ở Trung học phổ thông nhằm giúp học sinh :

1. Về kiến thức

- Hiểu biết sâu hơn, có hệ thống về quá trình phát triển của lịch sử dân tộc từ nguồn gốc đến nay trên cơ sở nắm được những sự kiện nổi bật, những chuyển biến chính của mỗi thời kì lịch sử, những mối quan hệ của lịch sử dân tộc với tiến trình phát triển của lịch sử loài người, đặc biệt từ đầu thế kỉ XX đến nay.

- Nắm được sự kiện lịch sử cơ bản, tiêu biểu cho những bước phát triển chủ yếu, những chuyển biến quan trọng trong lịch sử thế giới từ thời cổ đại đến nay : chú trọng nhiều đến những sự kiện chính trị, xã hội lớn, quan trọng trong lịch sử xã hội loài người, những nền văn minh tiêu biểu, lịch sử của các nước trong khu vực và các sự kiện có ảnh hưởng lớn đến quá trình lịch sử nước ta.

- Hiểu biết một số nội dung cơ bản, cần thiết trong nhận thức xã hội như : kết cấu xã hội loài người, mối quan hệ giữa các yếu tố trong cơ cấu hệ thống xã hội, đặc biệt là vai trò to lớn của sản xuất (vật chất, tinh thần) trong tiến trình lịch sử, vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân trong lịch sử, nguyên nhân và động lực tạo ra các chuyển biến lịch sử, quy luật vận động lịch sử.

2. Về kĩ năng

- Hình thành các kĩ năng cần thiết trong học tập bộ môn :

+ Xem xét các sự kiện lịch sử trong các quan hệ không gian, thời gian (đồng đại, lịch đại).

+ Làm việc với sách giáo khoa, các nguồn sử liệu và phương tiện trực quan.

+ Phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát, vận dụng đánh giá các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử.

- Hình thành năng lực phát hiện, đề xuất và giải quyết các vấn đề trong học tập lịch sử (điều tra, thu thập, xử lí thông tin, viết báo cáo ngắn, trình bày về kết quả).

- Tiếp tục rèn luyện năng lực tự học ; tự làm giàu tri thức lịch sử qua các nguồn sử liệu khác nhau.

3. Về thái độ

- Có lòng yêu quê hương, đất nước gắn liền với CNXH, lòng tự hào dân tộc, trân trọng các di sản lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

- Có thái độ trân trọng đối với các nền văn hoá, các dân tộc trên thế giới ; có tinh thần quốc tế chân chính.

- Có niềm tin về sự phát triển từ thấp đến cao, từ lạc hậu đến văn minh của lịch sử nhân loại, lịch sử dân tộc để góp phần vào cuộc đấu tranh cho tiến bộ xã hội.

- Có những phẩm chất cần thiết nhất của người công dân : thái độ tích cực vì xã hội, tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng, yêu lao động, sống nhân ái, có kỉ luật, tôn trọng và làm theo pháp luật.

II - NỘI DUNG

1. Kế hoạch dạy học

Lớp	Số tiết/tuần	Số tuần	Tổng số tiết/năm
10	1,5	35	52,5
11	1	35	35
12	1,5	35	52,5
Cộng (toàn cấp)		105	140

2. Nội dung dạy học từng lớp

LỚP 10

$$1,5 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 52,5 \text{ tiết}$$

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI THỜI NGUYÊN THỦY, CỔ ĐẠI VÀ TRUNG ĐẠI

1. Xã hội nguyên thủy

- Sự xuất hiện loài người, bầy người nguyên thủy.
- Sự xuất hiện công cụ kim khí, sự tiến bộ của sản xuất và tổ chức xã hội.
- Đời sống văn hoá (ăn, mặc, ở, tín ngưỡng, nghệ thuật).
- Sự tan rã của chế độ công xã nguyên thủy.

2. Xã hội cổ đại

- Các quốc gia cổ đại phương Đông : điều kiện tự nhiên và sự ra đời nhà nước đầu tiên ; sản xuất, quan hệ xã hội, chế độ chuyên chế cổ đại ; văn hoá.
- Các quốc gia cổ đại phương Tây : Hi Lạp và Rô-ma : điều kiện tự nhiên ; thành bang và nền dân chủ chủ nô, sự phát triển của thủ công nghiệp, thương nghiệp ; chế độ chiếm hữu nô lệ ; văn hoá Hi Lạp, Rô-ma, đạo Thiên Chúa.

3. Trung Quốc thời phong kiến

- Quá trình chuyển biến và phát triển của các triều đại phong kiến Trung Quốc từ Tần, Hán đến Minh, Thanh.
- Những nét lớn về tình hình kinh tế - xã hội.
- Những thành tựu văn hoá tiêu biểu.

4. Ấn Độ thời phong kiến

- Các quốc gia phong kiến Ấn Độ : những nét tiêu biểu về kinh tế và quan hệ xã hội.
- Tôn giáo và văn hoá Ấn Độ.

5. Đông Nam Á thời phong kiến

- Khái quát về các nước Đông Nam Á thời phong kiến : chế độ xã hội, quan hệ trong khu vực.
- Cam-pu-chia và Lào.
- Quá trình phát triển và giao lưu trong khu vực.
- Những thành tựu văn hoá tiêu biểu.

6. Tây Âu thời trung đại

- Sự hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu, các lãnh địa phong kiến ; quan hệ xã hội.
- Tây Âu thời hậu kì trung đại và sự phát triển của kinh tế hàng hoá.
- Những phát kiến lớn về địa lí ; sự ra đời của chủ nghĩa tư bản ; những biến đổi trong xã hội.
- Văn hoá Phục hưng.
- Cải cách tôn giáo và chiến tranh nông dân.

Ôn tập lịch sử thế giới thời nguyên thuỷ, cổ đại và trung đại

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

1. Việt Nam từ thời nguyên thuỷ đến thế kỉ X

- Thời đại nguyên thuỷ trên đất Việt Nam.
- Các quốc gia cổ đại :
- + Văn Lang, Âu Lạc và nền văn minh sông Hồng (thế kỉ VII - II TCN).

- + Quốc gia cổ Cham-pa.
- + Quốc gia cổ Phù Nam.
- Thời Bắc thuộc và các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc (từ thế kỉ II TCN đến đầu thế kỉ X).
- + Chế độ đô hộ của các triều đại phương Bắc.
- + Cuộc đấu tranh liên tục giành độc lập dân tộc của nhân dân ta : Khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Lý Bí, Khúc Thừa Dụ...

2. Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XV

- Quá trình hình thành, phát triển của nhà nước phong kiến Việt Nam (từ Ngô, Đinh - Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ đến Lê sơ).
- Công cuộc xây dựng và phát triển nền kinh tế tự chủ, đa dạng : ruộng đất và nông nghiệp, thủ công nghiệp và sự phát triển của thương nghiệp.
- Những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm (chống quân Tống, chống quân xâm lược Mông – Nguyên, chống quân Minh).
- Sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hoá dân tộc.

3. Việt Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII

- Những biến đổi của nhà nước phong kiến.
- Tình hình phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá.
- Sự thành lập Vương triều Tây Sơn và vai trò của Nguyễn Huệ trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.
- Những nét đặc sắc trong văn hoá của một số dân tộc ít người ở Bắc, Trung, Nam.

4. Việt Nam ở nửa đầu thế kỉ XIX

- Tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá dưới triều Nguyễn.
- Tình hình xã hội và phong trào đấu tranh của nhân dân.

Sơ kết lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XIX

- Những nét lớn của quá trình dựng nước và giữ nước ; đóng góp của các dân tộc ít người vào sự nghiệp chung của đất nước.

– Truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam thời phong kiến.

C. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

1. Các cuộc cách mạng tư sản (từ giữa thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XVIII)

- Khái quát về Cách mạng Hà Lan và Cách mạng tư sản Anh.

- Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ : nguyên nhân, diễn biến, Tuyên ngôn độc lập, Hiến pháp 1787 và sự thành lập Liên bang Mỹ.

- Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII : tiền đề, tiến trình cách mạng. Tính chất, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tư sản Pháp.

2. Các nước Âu - Mỹ (từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX)

- Cách mạng công nghiệp ở châu Âu.

- Hoàn thành cách mạng tư sản ở châu Âu và Mỹ giữa thế kỉ XIX.

- Chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

- Các nước đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mỹ và sự bành trướng thuộc địa.

3. Phong trào công nhân (từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX)

- Sự hình thành giai cấp công nhân.

- Mác, Ăng-ghe-n. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học : Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.

- Quốc tế thứ nhất và Công xã Pa-ri 1871.

- Quốc tế thứ hai.

- Lê-nin và phong trào công nhân Nga đầu thế kỉ XX.

Lịch sử địa phương

Củng cố, kiểm tra

LỚP 11

1 tiết/tuần × 35 tuần = 35 tiết

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI (tiếp theo)

1. Các nước châu Á giữa thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX

- Sự xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương Tây ở châu Á.
- Nhật Bản : cải cách Minh Trị.
- Trung Quốc : chiến tranh thuốc phiện ; phong trào nông dân Thái bình Thiên quốc ; Cải cách Mậu Tuất (1898) ; Cách mạng Tân Hợi (1911).
- Ấn Độ : khởi nghĩa 1857 ; sự ra đời và hoạt động của Đảng Quốc đại.
- Đông Nam Á : phong trào đấu tranh chống xâm lược ; xu hướng dân chủ đầu thế kỉ XX.

2. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918)

- Nguyên nhân và tính chất của chiến tranh.
- Các giai đoạn chính.
- Hậu quả của chiến tranh.

3. Sự phát triển của khoa học - kĩ thuật (cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX)

Ôn tập lịch sử thế giới cận đại

B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1917 - 1945)

1. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và Liên Xô (1921 - 1941)

- Nguyên nhân và diễn biến chính của Cách mạng tháng Mười Nga. Ý nghĩa lịch sử.
- Công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô (1921 - 1941).

2. Châu Âu, Mĩ, Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới

- Khái quát tình hình châu Âu sau Chiến tranh thế giới thứ nhất ; cao trào cách mạng 1918 - 1923 ; sự ra đời của Quốc tế Cộng sản ; sự phục hồi của nước Đức.
- Khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 và những hậu quả của nó.
- Sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở Ý, Đức, Nhật.
- Nước Mĩ và “Chính sách mới”.
- Quan hệ quốc tế trước chiến tranh : Hiệp ước Mui-ních, Hiệp ước Xô - Đức ; nguy cơ chiến tranh thế giới.

3. Châu Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới 1918 - 1939

- Phong trào cách mạng ở Trung Quốc ; sự ra đời của Đảng Cộng sản (1921) ; quá trình hợp tác và nội chiến giữa hai đảng : Quốc dân và Cộng sản ; Trung Quốc trước nguy cơ xâm lược của Nhật Bản.
- Gan-đi, Nê-ru và cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Ấn Độ.
- Các nước Đông Nam Á :
 - + Sự ra đời của Đảng Cộng sản và Đảng Quốc dân ở In-đô-nê-xi-a. Phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan.
 - + Phong trào chống Pháp ở Lào, Cam-pu-chia.

4. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)

Nguyên nhân, diễn biến chính và hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai.

Ôn tập Lịch sử thế giới hiện đại (1917 - 1945)

C. LỊCH SỬ VIỆT NAM (1858 - 1918)

1. Thực dân Pháp xâm lược và phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam (1858 - cuối thế kỉ XIX)

- Thực dân Pháp xâm lược. Hiệp ước 1884.
- Phong trào kháng Pháp (1858 - 1884).
- Phong trào Cần vương và phong trào nông dân Yên Thế (cuối thế kỉ XIX).

2. Phong trào yêu nước trong những năm đầu thế kỉ XX

- Những chuyển biến về kinh tế, xã hội ở nước ta.
- Cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX : Các xu hướng cứu nước tiêu biểu (bạo động và cải cách – Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh). Những cuộc đấu tranh trong thời gian Chiến tranh thế giới thứ nhất (các cuộc bãi công của công nhân ; vụ mưu khởi nghĩa ở Huế năm 1916 ; khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên năm 1917 ; các hội kín ở Nam Kỳ).

Lịch sử địa phương

Củng cố, kiểm tra

LỚP 12

$$1,5 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 52,5 \text{ tiết}$$

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (từ năm 1945 đến nay)

1. Bối cảnh quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 - 1947)

2. Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991). Liên bang Nga (từ năm 1991 đến nay)

- Liên Xô : công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh và quá trình xây dựng đất nước.
- Các nước Đông Âu : sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- Chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới. Hội đồng tương trợ kinh tế và khối Vác-sa-va. Sự tan rã của Liên Xô và sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu.
- Liên bang Nga từ sau khi Liên Xô tan rã đến nay.

3. Các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh (từ năm 1945 đến nay)

- Khái quát về phong trào giải phóng dân tộc, sự hình thành, phát triển các quốc gia độc lập.
- Trung Quốc : thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời ; các thời kì xây dựng đất nước ; công cuộc “cải cách” từ năm 1978 đến nay.
- Lào và Cam-pu-chia : hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và công cuộc xây dựng đất nước ở Lào. Những giai đoạn chính của lịch sử Cam-pu-chia từ năm 1945 đến nay.
- Các nước Đông Nam Á khác : những nét chính về quá trình xây dựng đất nước. Sự thành lập và phát triển của khối ASEAN.
- Ấn Độ : quá trình đấu tranh giành độc lập và xây dựng đất nước từ năm 1945 đến nay.

- Cu Ba : quá trình hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ; công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

4. Các nước Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản (từ năm 1945 đến nay)

- Những nét chung về các nước Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

- Mĩ : tình hình kinh tế, chính trị, chính sách đối ngoại.

- Tây Âu : tình hình kinh tế, chính trị ; Liên minh châu Âu.

- Nhật Bản : tình hình kinh tế, chính trị.

5. Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay

- Quan hệ quốc tế thời kì “chiến tranh lạnh” và ảnh hưởng của nó.

- Xu thế đối thoại và việc giải quyết những vụ xung đột khu vực.

6. Cách mạng khoa học - công nghệ

- Nguyên nhân và thành tựu.

- Xu thế toàn cầu hoá và ảnh hưởng của nó.

Tổng kết lịch sử thế giới hiện đại

Tiến trình lịch sử, những chuyển biến trong đời sống kinh tế - xã hội, xu thế phát triển của thời đại,...

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY

1. Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930

- Tình hình kinh tế, chính trị, văn hoá Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

- Các phong trào dân tộc theo khuynh hướng tư sản ; khởi nghĩa Yên Bái. Phong trào dân tộc theo khuynh hướng vô sản ; sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Việt Nam (1930 - 1945) và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

- Tình hình kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội ở Việt Nam.
- Phong trào dân tộc (1930 - 1945).
- Cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

3. Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954

- Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong những năm 1945 - 1946.
- Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam lần thứ hai và quá trình mở rộng chiến tranh, lập ách thống trị ở vùng chúng chiếm đóng.
- Quá trình xây dựng nền dân chủ cộng hoà ở Việt Nam.
- Sự phát triển của mặt trận quân sự trong tiến trình kháng chiến ; chiến dịch Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương.

4. Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975

- Tình hình Việt Nam sau tháng 7 - 1954.
- Những biến đổi về kinh tế, chính trị, xã hội, con người ở miền Bắc. Chế độ thực dân mới của Mĩ và cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam (1954 - 1964).
- Cả nước chống Mĩ xâm lược, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1965 - 1975).

5. Việt Nam từ năm 1975 đến nay

- Tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam sau khi kháng chiến chống Mĩ kết thúc. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- Xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc (1976 - 1986).
- Xây dựng đất nước theo đường lối đổi mới (từ năm 1986 đến nay).
- Tổng kết lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến nay.

Lịch sử địa phương

Tổng kết, ôn tập

III – CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG

LỚP 10

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI THỜI NGUYÊN THỦY, CỔ ĐẠI VÀ TRUNG ĐẠI		
1. Xã hội nguyên thủy	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc con người và quá trình chuyển biến từ Vượn thành Người tối cổ, Người tinh khôn. - Đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội trong giai đoạn đầu của xã hội nguyên thủy. - Vai trò của công cụ bằng kim loại và sự tiến bộ của sản xuất, quan hệ xã hội. - Nêu quá trình tan rã của xã hội nguyên thủy và hiểu nguyên nhân của quá trình đó. 	Cần nắm được : <ul style="list-style-type: none"> - Lao động tạo ra con người và xã hội loài người. - Nảy sinh hiện tượng phân hoá giàu nghèo, xuất hiện giai cấp.
2. Xã hội cổ đại 2.1. Các quốc gia cổ đại phương Đông 2.2. Các quốc gia cổ đại phương Tây – Hi Lạp và Rô-ma	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết tình hình phát triển sớm ở Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc, Ấn Độ cổ đại và sự hình thành các quốc gia cổ đại ở phương Đông. - Phân tích kết cấu xã hội và chế độ chuyên chế cổ đại ở phương Đông. - Trình bày một số thành tựu văn hoá của phương Đông cổ đại (lịch, chữ viết, toán học, kiến trúc...). - Phân tích điều kiện tự nhiên và quá trình xuất hiện nền văn minh cổ đại Hi Lạp, Rô-ma. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lược đồ xác định vị trí các quốc gia này. - Chú ý quan hệ xã hội, bộ máy nhà nước. - Phân tích mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên và đặc điểm phát triển kinh tế.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các thành bang, hoạt động kinh tế, thể chế chính trị : dân chủ và cộng hoà. - Phân tích những thành tựu văn hoá cổ đại phương Tây (liên hệ với các thành tựu văn hoá cổ đại phương Đông). 	<p>Trao đổi, làm bài tập để hiểu được thế nào là chế độ chiếm hữu nô lệ.</p>
<p>3. Xã hội phong kiến</p> <p>3.1. Trung Quốc thời phong kiến</p> <p>3.2. Ấn Độ thời phong kiến</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày sơ giản về sự hình thành xã hội cổ đại ở Trung Quốc. - Những nét chính về quá trình hình thành chế độ phong kiến Trung Quốc. - Nêu nét nổi bật về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ở các thời kì Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh. - Nêu và phân tích những thành tựu văn hoá Trung Quốc thời phong kiến : Nho giáo, sử học, văn học, kiến trúc, kĩ thuật,... - Đôi nét về Ấn Độ cổ đại (vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội...). - Sự hình thành, phát triển quốc gia phong kiến Ấn Độ : Vương triều Gúp-ta và sự định hình, truyền bá văn hoá Ấn Độ, Vương triều Đê-li và Mô-gôn, bước đầu quá trình xâm nhập của chủ nghĩa thực dân phương Tây. - Văn hoá Ấn Độ trong các thế kỉ XIII - XVIII. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu một vài tác giả và tác phẩm nổi tiếng của Trung Quốc thời phong kiến. - Giới thiệu nội dung sơ lược về một tác phẩm. - Miêu tả một công trình kiến trúc nổi tiếng của Ấn Độ mà học sinh biết

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>3.3. Các nước Đông Nam Á thời phong kiến</p> <p>3.4. Tây Âu thời trung đại</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sự hình thành các quốc gia cổ đại Đông Nam Á (điều kiện tự nhiên, sự ra đời các quốc gia cổ đại, đôi nét về chính trị, xã hội...). - Sự hình thành, phát triển và suy thoái của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á. - Các chặng đường lịch sử và những thành tựu văn hoá truyền thống đặc sắc của Cam-pu-chia và Lào. <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày quá trình phong kiến hoá ở Vương quốc Phơ-răng. - Hiểu biết về lãnh địa phong kiến ; các quan hệ chính trong xã hội phong kiến Tây Âu. - Trình bày quá trình ra đời, phát triển của thành thị trung đại Tây Âu, sự phát triển của kinh tế hàng hoá, những phát kiến lớn về địa lí. - Nêu được sự nảy sinh của phương thức sản xuất TBCN ở Tây Âu, những biến đổi trong xã hội. - Trình bày phong trào Văn hoá Phục hưng, Cải cách tôn giáo và chiến tranh nông dân (nguyên nhân, diễn biến, kết quả, ý nghĩa). 	<p>(sưu tầm tư liệu, ảnh...)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ lược đồ xác định vị trí các quốc gia cổ đại Đông Nam Á. - Lập niên biểu về quá trình phát triển lịch sử Lào, Cam-pu-chia thời phong kiến. - Giới thiệu một công trình kiến trúc nổi tiếng của Lào, Cam-pu-chia (tranh ảnh, tư liệu). <p>– Miêu tả một lãnh địa phong kiến, một thành thị ở Tây Âu thời trung đại.</p>
<p>4. Ôn tập lịch sử thế giới thời nguyên thủy,</p>	<p>Hệ thống hoá những nội dung chính và những sự kiện lịch sử tiêu biểu, so sánh (những nét chính) về xã hội phong kiến</p>	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
cổ đại và trung đại	phương Đông và phương Tây.	
B. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX		
<p>1. Việt Nam từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X</p> <p>1.1. Việt Nam thời nguyên thủy</p> <p>1.2. Các quốc gia cổ đại trên đất nước Việt Nam</p> <p>1.3. Thời Bắc thuộc và các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc (từ thế kỉ II TCN đến đầu thế kỉ X)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được cách ngày nay khoảng 30 - 40 vạn năm, Người tối cổ đã sống trên đất nước ta : di tích ở Lạng Sơn, Thanh Hoá, Đồng Nai, Bình Phước... - Biết được sự hình thành của công xã thị tộc (văn hoá Sơn Vi) và sự phát triển của công xã thị tộc (văn hoá Hoà Bình, “cuộc cách mạng đá mới”). - Hiểu được ý nghĩa ra đời của thuật luyện kim và biết được những đặc điểm chính về cuộc sống của các bộ lạc Phùng Nguyên, Sa Huỳnh, Đồng Nai. - Tóm tắt được quá trình hình thành quốc gia Văn Lang, Âu Lạc. Tình hình kinh tế, xã hội. - Trình bày được những nét khái quát về tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội của các quốc gia Cham-pa và Phù Nam. - Trình bày được chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc : tổ chức bộ máy cai trị, bóc lột về kinh tế và đồng hoá về văn hoá. Giải thích được mục đích của các chính sách đó. Những chuyển biến về kinh tế, văn hoá, xã hội Việt Nam dưới ảnh hưởng của những chính sách trên. - Trình bày được những nét chính của một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu : khởi nghĩa Hai Bà Trưng, cuộc khởi nghĩa Lý Bí 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhấn mạnh ý nghĩa của sự ra đời các quốc gia cổ đại trên đất nước Việt Nam.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	và sự thành lập nước Vạn Xuân, cuộc khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ, Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng.	
<p>2. Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XV</p> <p>2.1. Quá trình hình thành và phát triển của nhà nước phong kiến</p> <p>2.2. Công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế trong các thế kỉ X - XV</p> <p>2.3. Những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm</p>	<p>- Trình bày khái quát sự hình thành nhà nước phong kiến (thời Ngô - Đinh – Tiền Lê) và ngày càng được phát triển, hoàn thiện (qua các thời Lý, Trần, Hồ, Lê sơ). Sự hoàn chỉnh của luật pháp qua các bộ luật : Hình thư, Hình luật, Quốc triều hình luật (còn gọi là Luật Hồng Đức) ; quân đội được tổ chức chính quy, chính sách “ngụ binh ư nông”.</p> <p>- Biết được chính sách đối nội (quan tâm tới đời sống của nhân dân, đoàn kết các dân tộc), đối ngoại (khéo léo song luôn giữ vững tư thế của một quốc gia độc lập, tự chủ).</p> <p>- Biết được nông nghiệp ngày càng được mở rộng và phát triển : khai hoang ngày càng gia tăng, nhà nước quan tâm đến đê điều ; thủ công nghiệp phát triển : các triều đại đều lập các xưởng thủ công, các nghề trong dân gian ngày càng phát triển và tinh xảo hơn ; thương nghiệp ngày càng phát triển ở các đô thị và nông thôn.</p> <p>- Biết được sự phân hoá xã hội ngày càng sâu sắc. Cuối thời Trần nhiều cuộc đấu tranh của nông dân bùng nổ. Nhà Trần suy vong, nhà Hồ thành lập.</p> <p>- Trình bày được những nét khái quát (diễn biến, kết quả, ý nghĩa) của các cuộc kháng chiến : hai lần chống Tống, các</p>	<p>- Lưu ý cả ảnh hưởng tiêu cực và tích cực.</p> <p>- Từ những nét chính, rút ra những bài học về truyền thống yêu nước.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên, chống quân xâm lược Minh và khởi nghĩa Lam Sơn.	
2.4. Xây dựng và phát triển văn hoá dân tộc trong các thế kỉ X - XV	<ul style="list-style-type: none"> - Tư tưởng và tôn giáo : Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo, sự thay đổi vai trò thống trị về tư tưởng của Phật giáo và Nho giáo. - Biết được giáo dục ngày càng phát triển và có quy củ hơn ; sự phát triển của văn học chữ Hán và chữ Nôm. - Biết được đặc điểm nổi bật của nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc ; khái quát về sự hình thành và phát triển những loại hình sân khấu, đặc biệt là múa rối nước. - Kể được những công trình khoa học đặc sắc. 	
3. Việt Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được khái quát về những biến đổi của nhà nước phong kiến trong các thế kỉ XVI - XVIII : Nguyên nhân sụp đổ của nhà Lê, nhà Mạc thành lập ; nguyên nhân đất nước bị chia cắt (Bắc triều và Nam triều, Đàng Ngoài và Đàng Trong) ; tổ chức nhà nước phong kiến ở Đàng Ngoài và Đàng Trong. - Trình bày được tình hình phát triển kinh tế và giải thích được nguyên nhân phát triển của kinh tế hàng hoá. - Hiểu được tình hình văn hoá ở các thế kỉ XVI - XVIII : Nho giáo suy thoái, sự du nhập của đạo Thiên Chúa ; sự phát triển của giáo dục, nghệ thuật và khoa học - kĩ thuật. - Trình bày được vai trò của Nguyễn Huệ trong sự nghiệp thống nhất đất nước (đánh đổ chúa Nguyễn, chúa Trịnh, bước đầu thống nhất đất nước) và chống ngoại xâm (chống quân Xiêm và quân Thanh). 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhấn mạnh nguyên nhân phát triển của kinh tế hàng hoá bắt nguồn từ sự phát triển thủ công nghiệp và thương nghiệp.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Sự thành lập Vương triều Tây Sơn. Trình bày được các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá. 	
<p>4. Việt Nam ở nửa đầu thế kỉ XIX</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được dưới triều Nguyễn nhà nước phong kiến tập quyền được xây dựng và củng cố : quyền hành của vua, luật pháp, quân đội ; quan hệ ngoại giao khép kín. - Nông nghiệp khó khăn, thủ công nghiệp phát triển. - Văn học chữ Nôm, kiến trúc phát triển. - Giải thích được vì sao tình hình xã hội dưới triều Nguyễn không ổn định, nhiều cuộc đấu tranh, khởi nghĩa của nông dân, dân tộc ít người liên tục diễn ra. 	
<p>5. Sơ kết lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XIX</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các thời kì xây dựng và phát triển đất nước : <ul style="list-style-type: none"> + Thời dựng nước đầu tiên. Sự ra đời của các quốc gia : Văn Lang, Âu Lạc ở Bắc Bộ ; tiếp đó là quốc gia Lâm Ấp - Cham-pa ở Nam Trung Bộ, quốc gia Phù Nam ở Tây Nam Bộ. + Giai đoạn đầu của nước Đại Việt phong kiến độc lập : Quá trình hình thành và phát triển của nhà nước quân chủ. Sự phát triển của kinh tế, xã hội và văn hoá, giáo dục. + Thời kì đất nước bị chia cắt : Chiến tranh phong kiến bùng nổ và kéo dài đã dẫn đến sự chia cắt đất nước thành hai miền ; kinh tế sau thời gian khủng hoảng dần phục hồi phát triển ; phong trào Tây Sơn đã bước đầu thống nhất đất nước. 	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> + Đất nước ở nửa đầu thế kỉ XIX : Chế độ quân chủ dưới thời nhà Nguyễn ; tình hình khủng hoảng về kinh tế và xã hội. - Các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam thời phong kiến. + Sự hình thành của truyền thống yêu nước Việt Nam và biểu hiện của nó. + Sự phát triển và tôi luyện truyền thống yêu nước trong các thế kỉ phong kiến độc lập : các biểu hiện của truyền thống yêu nước trong dựng nước và giữ nước. + Nét đặc trưng của truyền thống yêu nước Việt Nam thời phong kiến : chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc ; vượt mọi khó khăn, trở ngại vươn lên trong quá trình dựng nước. 	
C. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI (phần đầu)		
1. Các cuộc cách mạng tư sản (từ giữa thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XVIII)	<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát về sự chuyển biến kinh tế - xã hội dẫn đến các cuộc cách mạng tư sản đầu tiên. - Cách mạng Hà Lan giữa thế kỉ XVI. - Cách mạng tư sản Anh giữa thế kỉ XVII. - Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ : “Tuyên ngôn độc lập”, thành lập Hợp chúng quốc Mỹ. - Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII : + Phân tích tình hình kinh tế và các mâu thuẫn giai cấp, xã hội trước cách mạng. 	<p>Chú ý : Về các cuộc cách mạng tư sản cần nêu được :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân sâu xa, duyên cớ trực tiếp ; - Diễn biến chính (các hình thức cách mạng) ; - Kết quả ; - Ý nghĩa lịch sử. <p>Tìm hiểu :</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>+ Trình bày những diễn biến chính qua các giai đoạn cách mạng Pháp : nền quân chủ lập hiến, nền cộng hoà, nền chuyên chính dân chủ cách mạng, chiến tranh cách mạng.</p>	<p>- Nội dung cơ bản của “Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền”</p> <p>- Rô-be-spi-e</p> <p>- Na-pô-lê-ông Bô-na-pác</p>
<p>2. Các nước Âu – Mĩ (từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX)</p> <p>2.1. Cách mạng công nghiệp ở châu Âu</p>	<p>- Tiến trình cách mạng công nghiệp ở Anh và lục địa châu Âu. Những phát minh và sử dụng máy móc.</p> <p>- Hệ quả của cách mạng công nghiệp : Sự hình thành nền sản xuất mới, tạo ra biến đổi về mặt xã hội : hình thành hai giai cấp cơ bản của xã hội tư bản (tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp).</p>	<p>- Trình bày quá trình chuyển từ lao động thủ công sang lao động cơ khí trong các lĩnh vực kinh tế.</p>
<p>2.2. Hoàn thành cách mạng tư sản ở châu Âu và Mĩ giữa thế kỉ XIX</p> <p>2.3. Các nước tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa</p>	<p>- Cuộc vận động thống nhất ở Đức và I-ta-li-a : con đường thống nhất “từ trên xuống” và “từ dưới lên” ; kết quả, ý nghĩa.</p> <p>- Nội chiến ở Mĩ : diễn biến, kết quả và ý nghĩa.</p> <p>- Sự tiến bộ, các thành tựu khoa học tự nhiên, kĩ thuật cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX ; đánh giá ảnh hưởng của nó đối với việc phát triển của sức sản xuất.</p>	<p>– Chú ý : Trình bày và phân tích :</p> <p>+ Các hình thức của cách mạng tư sản.</p> <p>+ Nguyên nhân bùng nổ và thắng lợi của hàng loạt cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu và Mĩ vào giữa thế kỉ XIX.</p> <p>- Nêu rõ những tiến bộ về khoa học – kĩ thuật.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Sự xuất hiện chủ nghĩa tư bản độc quyền trong sản xuất, trong tài chính, sự đẩy mạnh xâm lược thuộc địa và chính sách đối ngoại hiếu chiến của các nước đế quốc, chuẩn bị chiến tranh thế giới. - Phân tích các mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa đế quốc. - Trình bày những nét chính về tình hình kinh tế, chính trị của các nước Anh, Pháp, Đức, Mĩ ; đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc của mỗi nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc ở mỗi nước là gì ?
<p>3. Phong trào công nhân (từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sơ lược về quá trình hình thành giai cấp công nhân và những phong trào đấu tranh chính trị quan trọng của họ trong những năm 30 - 40 của thế kỉ XIX : tình cảnh giai cấp công nhân công nghiệp, các cuộc đấu tranh ở Pháp, Anh, Đức. - Trình bày tóm tắt sự ra đời của chủ nghĩa xã hội không tưởng : nguồn gốc, nội dung cơ bản, những hạn chế, ý nghĩa. - Sự ra đời của CNXH khoa học, C.Mác và Ph. Ăng-ghen. - Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (một số đoạn trích). - Quốc tế thứ nhất và những đóng góp của tổ chức này đối với phong trào công nhân quốc tế. - Công xã Pa-ri : nguyên nhân ra đời, quá trình hoạt động và vai trò lịch sử. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu thêm cuộc đời và sự nghiệp của C.Mác và Ph. Ăng-ghen. - Chú ý nắm vững : <ul style="list-style-type: none"> + Cuộc chiến đấu anh dũng của các chiến sĩ Công xã Pa-ri. + Nhà nước vô sản đầu tiên thể hiện bản chất nhà nước kiểu mới. + Ý nghĩa lịch sử, bài học của Công xã Pa-ri.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>- Phong trào công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX ; cuộc tổng bãi công của công nhân dệt Si-ca-gô (1-5-1886), Quốc tế thứ hai. Sự thành lập các đảng của giai cấp công nhân.</p> <p>- Phong trào công nhân Nga và vai trò của Lê-nin trong việc lãnh đạo cách mạng Nga và phát triển chủ nghĩa Mác trong thời kì mới : hoạt động của Lê-nin, Cách mạng 1905 – 1907 ở Nga với cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Mát-xcơ-va (12 - 1905) ; tính chất, ý nghĩa của cuộc cách mạng.</p>	

LỚP 11

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI (tiếp theo)		
1. Các nước châu Á (từ thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX)	<ul style="list-style-type: none"> - Sự xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương Tây đối với các nước châu Á. Giải thích nguyên nhân. - Nhật Bản thế kỉ XIX : nguyên nhân, nội dung nổi bật của cải cách Minh Trị, ý nghĩa lịch sử. - Trung Quốc : các sự kiện lịch sử quan trọng của Trung Quốc thời cận đại : chiến tranh thuốc phiện, phong trào Thái bình Thiên quốc, cải cách Mậu Tuất (1898), Cách mạng Tân Hợi (1911). - Ấn Độ : các phong trào đấu tranh chống thực dân Anh ở Ấn Độ, sự chuyển biến về kinh tế - xã hội và sự ra đời, hoạt động của Đảng Quốc đại. - Các nước Đông Nam Á : quá trình xâm lược của các nước phương Tây, các phong trào đấu tranh chống xâm lược, những chuyển biến về kinh tế - xã hội, xu hướng mới trong phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á đầu thế kỉ XX. - Châu Phi, Mĩ La-tinh : những nét chung về tình hình của châu lục, khu vực ; các cuộc đấu tranh tiêu biểu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ lược đồ các nước, khu vực và trình bày trên lược đồ.
2. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918)	<ul style="list-style-type: none"> - Mâu thuẫn của các nước đế quốc và sự hình thành hai khối quân sự đối địch ở châu Âu. - Hai giai đoạn chính của chiến tranh : những diễn biến chính của chiến sự. - Hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tư liệu, sự kiện, tranh ảnh lịch sử để nêu và phân tích các mâu thuẫn. - Khai thác, sử dụng lược đồ để trình bày diễn biến chủ yếu về chiến sự.
3. Sự phát triển của	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết về các thành tựu khoa học – kĩ thuật thời kì này. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các phát minh khoa học

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
khoa học – kĩ thuật (cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX)	- Trình bày ý nghĩa của những thành tựu nói trên đối với đời sống con người thời cận đại.	và tiến bộ kĩ thuật tiêu biểu.
4. Ôn tập lịch sử thế giới cận đại	Trình bày những nội dung chính và những sự kiện lịch sử tiêu biểu : Thắng lợi của cách mạng tư sản và sự xác lập chủ nghĩa tư bản, những mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản chủ nghĩa, phong trào công nhân, phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược.	Lập bảng thống kê các sự kiện.
B. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (PHẦN TỪ NĂM 1917 ĐẾN NĂM 1945)		
1. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921 – 1941)	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được vì sao năm 1917 nước Nga tiến hành hai cuộc cách mạng. - Quá trình chuyển biến từ cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai sang cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười (diễn biến chính của cách mạng, sự can thiệp vũ trang của các nước đế quốc). - Ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười. - Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội : quá trình công nghiệp hoá, tập thể hoá nông nghiệp. Nêu những thành tựu chính và đánh giá ý nghĩa. Một số sai lầm, thiếu sót có ảnh hưởng đến sự phát triển của lịch sử. 	<p>Tìm hiểu các vấn đề :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính sách cộng sản thời chiến. - Chính sách kinh tế mới. <p>- Suru tầm tranh ảnh, tư liệu về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.</p>
2. Châu Âu, Mĩ, Nhật Bản giữa hai cuộc	- Khái quát tình hình châu Âu sau Chiến tranh thế giới thứ nhất : hội nghị hoà bình Pa-ri 1919. Hệ thống Véc-xai -	- Liên hệ với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, đưa bản yêu sách đến Hội

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
chiến tranh thế giới (1918 - 1939)	<p>Oa-sinh-ton, sự suy yếu kinh tế và bước đầu ổn định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cao trào cách mạng 1918 - 1923 ở Đức, Hung-ga-ri... dưới ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga. Sự ra đời và hoạt động của Quốc tế Cộng sản (chủ yếu là các Đại hội V, VII). - Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 : nguyên nhân, diễn biến và những hậu quả của nó. - Đức : khủng hoảng kinh tế và chính sách đối nội, đối ngoại phản động của chính quyền phát xít, sự hình thành chủ nghĩa phát xít. - Mĩ : tình hình đất nước sau khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933. “Chính sách mới” và tác dụng của nó đối với nước Mĩ. - Nhật Bản : tình hình những năm 1918 - 1929, 1929 - 1933 - khủng hoảng kinh tế, quân phiệt hoá bộ máy nhà nước ; cuộc đấu tranh của nhân dân Nhật chống chủ nghĩa quân phiệt ; chính sách bành trướng, xâm lược. – Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít ở Pháp, I-ta-li-a, Tây Ban Nha... 	<p>ngộ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ Nguyễn Ái Quốc tham gia Đại hội V của Quốc tế Cộng sản. - Trình bày những biểu hiện của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 và phân tích hậu quả đối với các nước.
3. Châu Á giữa hai cuộc chiến tranh thế	<p>- Trình bày những nét lớn về Trung Quốc trong thời kì này : sự ra đời của Đảng Cộng sản (1921) ; quá trình hợp tác và nội</p>	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
giới (1918 - 1939)	<p>chiến giữa hai đảng Quốc dân và Cộng sản ; Trung Quốc trước sự xâm lược của Nhật Bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Ấn Độ, về các nhân vật lịch sử tiêu biểu (M. Gan-đi và G. Nê-ru). - Hiểu biết một số nét tiêu biểu về tình hình chung ở Đông Nam Á. Sự ra đời của các đảng chính trị ở In-đô-nê-xi-a. Phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan ở In-đô-nê-xi-a, chống Pháp ở Lào, Cam-pu-chia. Cách mạng 1932 ở Thái Lan. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về M. Gan-di và đường lối cách mạng của ông.
4. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945)	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích nguyên nhân và con đường dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai. - Trình bày những diễn biến chính của mặt trận châu Âu và mặt trận Thái Bình Dương. - Phân tích và đánh giá hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng lược đồ để trình bày các trận đánh lớn trong Chiến tranh thế giới thứ hai. - Vai trò của Hồng quân, nhân dân Liên Xô trong việc đánh thắng chủ nghĩa phát xít.
5. Ôn tập lịch sử thế giới hiện đại (phần từ năm 1917 đến năm 1945)	<p>Ôn tập những nội dung chính đã học và những sự kiện lịch sử tiêu biểu : sự tiến bộ về khoa học - kĩ thuật, các nước tư bản chủ yếu, cao trào cách mạng thế giới, Chiến tranh thế giới thứ hai.</p>	<p>Lập các bảng thống kê niên biểu, sự kiện tiêu biểu.</p>

C. LỊCH SỬ VIỆT NAM (1858 – 1918)		
<p>1. Việt Nam từ năm 1858 đến cuối thế kỉ XIX</p>	<p>- Trình bày được các sự kiện chủ yếu trong giai đoạn 1858 - cuối thế kỉ XIX :</p> <p>+ Pháp tấn công Đà Nẵng, sau đó chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ ; cuộc kháng chiến của nhân dân ta, khởi nghĩa Trương Định ; Pháp đánh ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ ; cuộc kháng chiến của nhân dân ta ở ba tỉnh miền Đông và ba tỉnh miền Tây.</p> <p>+ Thực dân Pháp mở rộng đánh chiếm toàn bộ Việt Nam. Cuộc kháng chiến của nhân dân. Hiệp ước 1883 và 1884.</p> <p>- Hiểu được nguyên nhân sâu xa và trực tiếp của phong trào Cần vương. Trình bày diễn biến những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu : Ba Đình, Bãi Sậy, Hương Khê, phong trào nông dân Yên Thế. Nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử của phong trào Cần vương và phong trào nông dân tự phát.</p>	<p>- Trên cơ sở những kiến thức cụ thể đã được học ở cấp Trung học cơ sở, ở đây nội dung mang tính hệ thống, khái quát nhằm làm cơ sở khẳng định truyền thống yêu nước của nhân dân ta và trách nhiệm của nhà Nguyễn trong việc để mất nước ta vào tay Pháp ở cuối thế kỉ XIX.</p>
<p>2. Phong trào yêu nước và cách mạng trong những năm đầu thế kỉ XX đến năm 1918</p> <p>2.1. Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến trước Chiến tranh thế giới thứ nhất</p>	<p>- Trình bày được những biểu hiện của sự chuyển biến về kinh tế : Sự xuất hiện của đồn điền, hầm mỏ, một số cơ sở công nghiệp và đường sắt, bến cảng. Pháp độc chiếm về nội và ngoại thương. Những chuyển biến về xã hội : giai cấp địa chủ phong kiến, nông dân, hình thành giai cấp công nhân, tầng lớp tư sản Việt Nam.</p>	
	<p>- Giải thích được nguyên nhân của sự chuyển biến về kinh tế là</p>	<p>- Thấy rõ mối quan hệ giữa chuyển</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>2.2. Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918)</p>	<p>do tác động của cuộc khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp. Sự chuyển biến về kinh tế dẫn tới sự chuyển biến về xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày tóm tắt phong trào yêu nước tiêu biểu đầu thế kỉ XX : xu hướng bạo động của Phan Bội Châu ; xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh ; Đông Kinh nghĩa thực ; vụ đầu độc binh sĩ Pháp ở Hà Nội ; hoạt động của nghĩa quân Yên Thế. - Giải thích được nguyên nhân xuất hiện của những phong trào trên, tính chất dân chủ tư sản của phong trào, nguyên nhân thất bại. - Nêu được tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam dưới tác động của chính sách mà Pháp thực hiện trong chiến tranh. - Trình bày tóm tắt các cuộc đấu tranh vũ trang tiêu biểu : Việt Nam Quang phục hội, khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân, khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên, phong trào Hội kín ở Nam Kỳ, cuộc khởi nghĩa vũ trang của đồng bào dân tộc thiểu số, phong trào công nhân. - Nêu được những đặc điểm của các phong trào trong giai đoạn này và giải thích được nguyên nhân quyết định các đặc điểm đó. - Buổi đầu hoạt động cứu nước của Nguyễn Ái Quốc (1911 - 1918). 	<p>biến kinh tế và chuyển biến xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh được sự khác nhau và giống nhau giữa phong trào cách mạng đầu thế kỉ XX với phong trào cuối thế kỉ XIX. - Thấy rõ sự khác nhau giữa các phong trào trong giai đoạn này với phong trào đầu thế kỉ XX.

LỚP 12

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY)		
1. Bối cảnh quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 - 1947)	<p>Trình bày được :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh : Hội nghị I-an-ta (Liên Xô) ; sự thành lập Liên hợp quốc : mục đích và nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc. - Sự hình thành hai hệ thống : xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa ; mối quan hệ ngày càng căng thẳng của hai hệ thống ; chiến tranh lạnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ba quyết định quan trọng của Hội nghị I-an-ta - Vai trò, thành phần và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Bảo an
2. Liên Xô và các nước Đông Âu 1945 - 1991. Liên bang Nga (từ năm 1991 đến nay)	<p>Nêu và chứng minh được :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình hình Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991 : Những thành tựu chính trong công cuộc khôi phục và xây dựng CNXH ở Liên Xô và các nước Đông Âu. Quá trình khủng hoảng (về các mặt kinh tế, chính trị, xã hội...) dẫn đến sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu. - Liên bang Nga (từ năm 1991 đến nay) : Những nét chính về các mặt : kinh tế, chính trị, chính sách đối ngoại, vị trí nước Nga trên trường quốc tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu một số sai lầm cơ bản. - Phân tích nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu.
3. Các nước Á, Phi và Mĩ La-tinh từ năm 1945 đến nay	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được những nét chung về các nước khu vực Đông Bắc Á. - Trung Quốc : Sự thành lập nước Cộng hoà Nhân dân 	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>Trung Hoa, quá trình xây dựng đất nước qua các giai đoạn :</p> <ul style="list-style-type: none"> + 1949 - 1959 : Những thành tựu chính mà nhân dân Trung Quốc đạt được trong 10 năm đầu xây dựng đất nước. + 1959 - 1978 : những năm không ổn định. + 1978 - nay : cải cách và mở cửa, nội dung cơ bản của đường lối cải cách và thành tựu chính từ sau năm 1978. <p>– Đông Nam Á : Trình bày khái quát về quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân các nước Đông Nam Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai ; các giai đoạn cơ bản của lịch sử Lào (1945 - 1975), Cam-pu-chia (1945 - 1993), quá trình xây dựng đất nước ở Đông Nam Á : những thành tựu, khó khăn, chiến lược phát triển kinh tế : hướng nội, hướng ngoại...</p> <p>Tổ chức ASEAN : các giai đoạn phát triển, số lượng các nước thành viên, các mục tiêu mà ASEAN đặt ra và kết quả.</p> <p>– Ấn Độ và khu vực Trung đông : Nêu được những nét chính về quá trình đấu tranh giành độc lập, những thành tựu xây dựng đất nước ở Ấn Độ từ sau năm 1945 và tiến trình đấu tranh giải phóng của nhân dân Pa-le-xtin từ năm 1947 đến nay.</p> <p>– Các nước châu Phi và Mĩ La-tinh : Trình bày được nét chung về cuộc đấu tranh giành độc lập và quá trình phát triển kinh tế - xã hội (thành tựu và khó khăn), ý nghĩa của những thành quả mà nhân dân các nước châu Phi, Mĩ La-tinh giành được từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc. Đại hội XII, XIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc. - Lập bảng thống kê sự kiện các nước giành độc lập. - Tìm hiểu thêm về mối quan hệ của Việt Nam với các nước thành viên ASEAN.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>4. Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản từ năm 1945 đến nay</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những nét lớn về tình hình kinh tế, khoa học – kĩ thuật, văn hoá, chính trị, xã hội ở các nước : Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu. Sự liên kết khu vực ở châu Âu. - Trình bày được những hạn chế trong quá trình phát triển ở các nước này. - Mĩ : Tình hình nước Mĩ những năm 1945 - 1973 ; 1973 - 1991 ; 1991 - nay. Mỗi giai đoạn đi sâu vào các vấn đề sau : <ul style="list-style-type: none"> + Sự phát triển kinh tế, khoa học - kĩ thuật ; + Chính trị, xã hội ; + Chính sách đối ngoại ; + Suy thoái, phục hồi và phát triển. - Tây Âu : qua các giai đoạn 1945 - 1950, 1950 - 1973, 1973 - 1991, 1991 - nay, nêu được các vấn đề chủ yếu : <ul style="list-style-type: none"> + Sự phát triển kinh tế, khoa học – kĩ thuật : Các nước Tây Âu những năm 1950 - 1973 đã cơ bản ổn định và phục hồi với sự giúp đỡ của Mĩ ; những nhân tố thúc đẩy sự phát triển kinh tế nhanh chóng của các nước Tây Âu. + Chính trị, xã hội : Định ước Hen-xin-ki về an ninh và hợp tác châu Âu (1975) ; phá bỏ bức tường Béc-lin và việc tái thống nhất Đức. + Chính sách đối ngoại : Trong những năm 1991 - nay, mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh, các nước Đông Âu và Liên Xô (cũ), sự hợp tác, liên minh cả về lĩnh vực kinh tế và chính trị. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích nguyên nhân dẫn đến sự phát triển vượt bậc của nền kinh tế Mĩ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Liên minh châu Âu (EU) : Biết được khái quát quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU). - Nhật Bản những năm 1945 - 1952 ; 1952 - 1973 ; 1973 - 1991 ; 1991 - nay, nêu được các vấn đề chủ yếu : <ul style="list-style-type: none"> + Sự phát triển kinh tế : Những nguyên nhân dẫn đến sự phát triển thần kì của nền kinh tế Nhật Bản. Từ nửa sau những năm 80, Nhật Bản đã vươn lên thành siêu cường tài chính số một thế giới. + Chính trị, xã hội : Đảng Dân chủ tự do (LDP) nắm chính quyền ở Nhật Bản, duy trì chế độ quân chủ lập hiến nhưng thực chất là nền dân chủ đại nghị tư sản. + Chính sách đối ngoại : Sau Chiến tranh thế giới thứ hai : liên minh chặt chẽ với Mĩ và phụ thuộc Mĩ ; nhưng từ sau những năm 70, Nhật Bản bắt đầu đưa ra chính sách đối ngoại mới, hướng về châu Á. 	<p>“Học thuyết Phu-cu-đa” (8 - 1977) và “Học thuyết Kai-phu” (1991)...</p>
<p>5. Quan hệ quốc tế từ 1947 đến nay</p>	<p>Nhớ và bước đầu phân tích được :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến năm 1991 : là thời kì căng thẳng giữa hai phe, hai khối, đứng đầu là Mĩ và Liên Xô. - Mâu thuẫn Đông – Tây và sự khởi đầu của “chiến tranh lạnh”. <ul style="list-style-type: none"> + Nội dung cơ bản của Học thuyết Tru-man. + Sự hình thành khối quân sự NATO và tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va và hậu quả đối với tình hình thế giới. 	<p>- Hiểu khái niệm “chiến tranh lạnh” và trình bày được những biểu hiện của nó.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>- Sự đối đầu Đông – Tây và nét chính về một số cuộc chiến tranh cục bộ :</p> <p>+ Chiến tranh Đông Dương 1946 - 1954 ;</p> <p>+ Chiến tranh Triều Tiên 1950 - 1953 ;</p> <p>+ Chiến tranh Việt Nam 1954 - 1975.</p> <p>- Đặc điểm trong quan hệ quốc tế từ năm 1991 đến nay là : hoà hoãn, đa cực, lấy phát triển kinh tế làm trọng điểm, xung đột khu vực.</p> <p>+ Những sự kiện biểu hiện xu thế hoà hoãn tiến tới chấm dứt “chiến tranh lạnh”.</p> <p>+ Nguyên nhân của việc chấm dứt “chiến tranh lạnh”.</p> <p>- Thế giới sau “chiến tranh lạnh”.</p> <p>+ Nêu được các xu thế của thế giới sau khi “chiến tranh lạnh” chấm dứt.</p>	<p>- Hiệp định về những cơ sở của quan hệ quốc tế giữa Đông – Tây Đức (1972) ; Hiệp ước về việc hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa ABM (1972) ; Định ước Hen-xin-ki (1975) ; các cuộc gặp cấp cao Xô - Mỹ : hợp tác kinh tế, khoa học – kĩ thuật, văn hoá..., thoả thuận về việc thủ tiêu các tên lửa tầm trung (1987) ; tuyên bố chấm dứt “chiến tranh lạnh” (1989).</p> <p>- Hiểu được :</p> <p>+ Thế giới “hai cực” sụp đổ, trật tự thế giới mới đang hình thành.</p> <p>+ Mỹ đang cố gắng thành lập thế giới một cực.</p> <p>+ Hoà bình được củng cố, nhưng nhiều nơi còn chưa ổn định...</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>6. Cách mạng khoa học – công nghệ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguồn gốc, đặc điểm và thành tựu nổi bật của cách mạng khoa học – công nghệ : công cụ sản xuất mới, những nguồn năng lượng mới, những vật liệu mới, công nghệ sinh học, chinh phục vũ trụ... -Bước đầu phân tích được : <ul style="list-style-type: none"> + Tác động tích cực và những vấn đề nảy sinh do cách mạng khoa học – kĩ thuật : tăng năng suất lao động, nâng cao mức sống của con người, xu thế toàn cầu hoá..., tình trạng ô nhiễm môi trường, các loại dịch bệnh, mức độ huỷ diệt của các vũ khí hiện đại... - Xu thế toàn cầu hoá và những ảnh hưởng của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ. - Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế. - Sự phát triển và tác động to lớn của các công ti xuyên quốc gia. - Sự sáp nhập và hợp nhất các công ti thành những tập đoàn lớn. - Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được mặt tích cực và tiêu cực của xu thế toàn cầu hoá : Toàn cầu hoá vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các nước đang phát triển.
<p>7. Tổng kết lịch sử thế giới từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những nội dung cơ bản đã học. - Bước đầu phân tích được các nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới từ sau năm 1945. - Biết vận dụng những kiến thức đã học để đánh giá những vấn đề của thực tiễn trong nước và thế giới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lập bảng thống kê các sự kiện chính của lịch sử thế giới từ năm 1945 đến nay.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
B. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY		
<p>1. Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930</p> <p>1.1. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925</p> <p>1.2. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1925 đến năm 1930</p>	<p>- Trình bày được chính sách tăng cường khai thác Việt Nam của thực dân Pháp trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai về các ngành : nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, tài chính, thuế... ; cùng với nó là các chính sách về chính trị, văn hoá và giáo dục. Thấy được sự biến đổi về mặt kinh tế đã tác động tới xã hội, từ đó rút ra mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt Nam lúc này là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và bọn phản động tay sai.</p> <p>- Trình bày được các hoạt động tiêu biểu của phong trào yêu nước trong thời kì này : phong trào đòi thả Phan Bội Châu, phong trào đả tạc Phan Châu Trinh, Tâm tâm xã, hoạt động của tư sản và tiểu tư sản, phong trào đấu tranh của công nhân. Nêu được tính chất và đặc điểm của các phong trào này. Hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1919 - 1925 và tác động của nó đối với cách mạng Việt Nam.</p> <p>- Nắm được đường lối hoạt động chính của các tổ chức cách mạng : Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, Tân Việt cách mạng đảng, Việt Nam Quốc dân đảng.</p>	<p>- Nhấn mạnh mối quan hệ giữa kinh tế và xã hội ; phân tích để rút ra mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội.</p> <p>- Nêu rõ tác động các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>- Giải thích được nguyên nhân thất bại của khởi nghĩa Yên Bái và Việt Nam Quốc dân đảng. Trình bày được nguyên nhân của sự phân liệt Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản năm 1929 : Đông Dương cộng sản đảng, An Nam cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn. Từ đó thấy được sự lớn mạnh của xu hướng cứu nước theo con đường cách mạng vô sản.</p> <p>- Trình bày được hoàn cảnh ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị thành lập Đảng (từ ngày 3 đến ngày 7-2-1930), cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng : phân tích nội dung và tính sáng tạo của cương lĩnh đó ; ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam : bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng : vận động thành lập, chủ trì việc thống nhất các tổ chức cộng sản, soạn thảo cương lĩnh đầu tiên của Đảng.</p>	<p>- Nêu rõ vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.</p>
<p>2. Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945</p> <p>2.1. Phong trào cách mạng 1930 - 1935</p>	<p>- Trình bày được những nét chính về ảnh hưởng của sự khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) nói chung và sự khủng hoảng của Pháp nói riêng tới tình hình kinh tế Việt Nam và sự tác động của tình hình kinh tế tới đời sống xã hội Việt Nam : Đời sống của mọi tầng lớp nhân dân đều sa sút.</p> <p>- Trình bày được diễn biến chính của phong trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh (làm chủ chính quyền, các chính sách tiến bộ về chính trị, kinh tế, văn hoá).</p>	<p>- Nêu rõ mối quan hệ giữa tình hình thế giới và Việt Nam.</p> <p>- Nhấn mạnh vì sao đỉnh cao của phong trào là Xô viết Nghệ – Tĩnh và những điểm mới của chính quyền Xô viết.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>2.2. Phong trào dân chủ 1936 - 1939</p> <p>2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945 và Cách mạng tháng Tám năm 1945. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được</p>	<p>- Trình bày được diễn biến chính của Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10 - 1930). Những điểm chính của Luận cương (10 - 1930) : chiến lược, sách lược, động lực và tổ chức lãnh đạo cách mạng, hình thức và phương pháp đấu tranh. Hiểu được tính đúng đắn của Luận cương và một số điểm hạn chế : về mâu thuẫn chính trong xã hội, động lực cách mạng...</p> <p>- Trình bày được một số điểm chính của giai đoạn phục hồi phong trào cách mạng (1932 - 1935) : đấu tranh trong các nhà tù ; củng cố tổ chức Đảng từ trung ương đến địa phương ; đấu tranh trên mặt trận chính trị và văn hoá.</p> <p>- Nêu được bối cảnh Việt Nam trong những năm 1936 - 1939 : chủ trương chống phát xít của Quốc tế Cộng sản, sự ra đời của Mặt trận nhân dân Pháp và các hoạt động tác động đến Việt Nam ; tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam.</p> <p>- Nêu được những điểm chính trong chủ trương của Đảng và những phong trào tiêu biểu : Đông Dương đại hội, đòi tự do, dân sinh, dân chủ, đấu tranh nghị trường, đấu tranh trên lĩnh vực báo chí. Một số kết quả và kinh nghiệm đấu tranh công khai, hợp pháp.</p> <p>- Trình bày được một số điểm nổi bật trong bối cảnh Việt Nam những năm Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) về chính trị, kinh tế - xã hội. Hiểu được hầu hết các giai cấp và tầng lớp đều bị ảnh hưởng bởi những chính sách của Pháp – Nhật.</p>	<p>- Nhấn mạnh mối quan hệ giữa cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam.</p> <p>- Làm rõ nguyên nhân của sự thay đổi chủ trương so với giai đoạn trước.</p> <p>- Làm rõ mối quan hệ giữa chính trị, kinh tế và xã hội.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
thành lập	<p>- Trình bày được nội dung chuyển hướng đấu tranh được đề ra trong Hội nghị lần thứ 6 (11 - 1939) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ; trình bày được diễn biến của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu mở đầu thời kì giải phóng dân tộc : khởi nghĩa Bắc Sơn (27 - 9 - 1940) ; khởi nghĩa Nam Kỳ (23 - 11 - 1940) ; binh biến Đô Lương (13 - 1 - 1941) ; nguyên nhân thất bại và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa.</p> <p>- Nắm được những sự kiện chủ yếu của công cuộc chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền : nội dung chủ yếu của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5 - 1941) ; công cuộc chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền : sự phát triển của Mặt trận Việt Minh, thành lập Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, xây dựng căn cứ địa cách mạng.</p> <p>- Cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền :</p> <p>+ Nắm được những nét chính của giai đoạn khởi nghĩa từng phần : Nhật đảo chính Pháp (9 -3 -1941) ; chỉ thị của Đảng : “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, phong trào phá kho thóc của Nhật, khởi nghĩa Ba Tơ, lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam, lập Việt Nam giải phóng quân, lập Khu giải phóng Việt Bắc.</p> <p>+ Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1945) : Phân tích được sự sáng suốt của Đảng trong việc chớp thời cơ phát động khởi nghĩa, nắm khái quát cuộc tổng khởi nghĩa của nhân dân trong cả nước, trình bày diễn biến chính cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn.</p>	<p>- So sánh được với giai đoạn trước.</p> <p>- Nhấn mạnh ý nghĩa của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5 - 1941).</p> <p>- Nhấn mạnh ý nghĩa của những sự kiện.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>- Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập (2 - 9 - 1945). Phân tích ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.</p>	
<p>3. Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954</p> <p>3.1. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ sau ngày 2 - 9 - 1945 đến trước ngày toàn quốc kháng chiến (19 - 12 - 1946)</p> <p>3.2. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp (trong những năm 1946 - 1953)</p>	<p>- Hiểu được tình hình nước ta trong những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, chính quyền dân chủ nhân dân ở trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Trình bày được những biện pháp giải quyết khó khăn trước mắt và chuẩn bị cho kháng chiến : bước đầu xây dựng chính quyền cách mạng, giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính.</p> <p>- Trình bày được những diễn biến chính của công cuộc chống ngoại xâm, nội phản, bảo vệ chính quyền cách mạng : chống thực dân Pháp trở lại xâm lược ở miền Nam. Đấu tranh với Trung Hoa Quốc dân đảng và bọn phản cách mạng ở miền Bắc, hoà hoãn với Pháp nhằm đẩy quân Trung Hoa Quốc dân đảng ra khỏi nước ta.</p> <p>- Phân tích hoàn cảnh dẫn đến việc Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, đường lối kháng chiến của Đảng. Trình bày được cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân Thủ đô Hà Nội và các đô thị từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc ; những công việc chuẩn bị về chính trị, kinh tế, quân sự và văn hoá cho cuộc kháng chiến lâu dài.</p> <p>- Trình bày diễn biến, kết quả và phân tích ý nghĩa của chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947.</p>	<p>- Nhấn mạnh tinh thần yêu nước của toàn dân.</p> <p>- Nhấn mạnh đường lối kháng chiến đúng đắn của Đảng ta.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>3.3. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953 - 1954)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được tình hình cuộc kháng chiến từ năm 1948 đến năm 1950 : những chính sách xây dựng hậu phương về mọi mặt (chính trị, quân sự, kinh tế, giáo dục). - Trình bày được hoàn cảnh và chủ trương của ta khi chủ động mở chiến dịch Biên giới thu – đông 1950 ; diễn biến, kết quả, phân tích được ý nghĩa của chiến dịch này. - Nắm được những kết quả chính đã đạt được trong công cuộc xây dựng hậu phương về mọi mặt từ năm 1951 đến năm 1952, ý nghĩa và tác dụng đối với cuộc kháng chiến nói chung, với chiến trường nói riêng. - Nắm được tình hình chiến trường từ năm 1951 đến năm 1952 ; diễn biến chính của chiến dịch Hoà Bình, Tây Bắc... ; ý nghĩa của các chiến dịch đó. - Phân tích được hoàn cảnh dẫn đến âm mưu, thủ đoạn mới của thực dân Pháp và can thiệp Mĩ thể hiện trong kế hoạch Na-va. - Trình bày và phân tích được những nét chính của chiến cuộc Đông Xuân (1953 - 1954), chiến dịch Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương. Ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được mối quan hệ giữa hậu phương và tiền tuyến. - Phân tích được mối quan hệ giữa mặt trận ngoại giao và quân sự.
<p>4. Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975</p> <p>4.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 -</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 : Đất nước bị chia cắt làm hai miền (tạm thời). Phân tích được nhiệm vụ của cách mạng cả nước, của mỗi miền và mối quan hệ giữa nhiệm vụ của hai miền. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được mối quan hệ khăng khít của cách mạng hai miền Nam – Bắc.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1965)		
	<p>- Hiểu được yêu cầu cách mạng đối với nhân dân miền Bắc và những bước đi ban đầu (1954 - 1960) : hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất.</p> <p>Phân tích được ý nghĩa của các sự kiện trên và những hạn chế trong cải cách ruộng đất.</p> <p>- Trình bày được phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam chống chế độ Mĩ – Diệm, gìn giữ và phát triển lực lượng cách mạng(1954 – 1959), đấu tranh đòi hoà bình của các tầng lớp nhân dân : phong trào “Đồng khởi” ; sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.</p> <p>- Trình bày được nội dung chính của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960) khẳng định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, phân tích được ý nghĩa của sự kiện này.</p> <p>- Nêu được những thành tựu về chính trị, kinh tế, văn hoá của nhân dân miền Bắc trong kế hoạch 5 năm (1961 - 1965) : công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp , giao thông vận tải, y tế, giáo dục.</p> <p>- Nêu được đặc điểm của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta phá “áp chiến lược”, chiến thắng Ấp Bắc và chiến dịch tiến công địch ở miền Đông Nam Bộ trong đông – xuân 1964 - 1965 ; ý nghĩa của các sự kiện trên : làm phá sản về cơ bản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”</p>	<p>- Phân tích được ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi” và sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.</p> <p>- Nhấn mạnh vai trò của hậu phương lớn.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	của Mĩ.	
<p>4.2. Hai miền đất nước trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965 - 1973)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được âm mưu và hành động của Mĩ trong việc mở rộng chiến tranh ra miền Bắc (1965 - 1968). Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất làm nghĩa vụ hậu phương lớn : những thành tựu và kết quả chủ yếu. - Nhân dân miền Nam chiến đấu chống “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ : nêu được âm mưu và thủ đoạn của Mĩ ; trình bày được những thắng lợi lớn của nhân dân miền Nam : chiến thắng Vạn Tường, buộc Mĩ thừa nhận sự thất bại của “Chiến tranh cục bộ” ; trình bày được bối cảnh, diễn biến chính của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) và phân tích ý nghĩa thắng lợi và những hạn chế của ta. - Trình bày được những thành tựu chính trong công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội (1969 - 1973) của nhân dân miền Bắc ; những đóng góp sức người, sức của cho cách mạng miền Nam ; những thành tích trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mĩ lần thứ hai (1972) và phân tích được vai trò, ý nghĩa của các sự kiện đó. - Nêu được đặc điểm chính của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của đế quốc Mĩ (1969 – 1972). Trình bày được những thắng lợi lớn của nhân dân miền Nam làm thất bại chiến lược đó : Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam được thành lập, một số chiến dịch và đặc biệt là cuộc tiến công chiến lược năm 1972. Phân tích được ý nghĩa của các sự kiện đó. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập trung trình bày ý nghĩa thắng lợi của chiến thắng Vạn Tường, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968). - Phân tích được nguyên nhân Mĩ phải thực hiện chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Diễn biến, nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. 	
<p>4.3. Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 - 1975)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày những thành tựu chính của nhân dân miền Bắc trong việc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất và chi viện cho miền Nam. - Nêu được bối cảnh và chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam. Trình bày được diễn biến chính của những chiến dịch lớn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 : chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế - Đà Nẵng, chiến dịch Hồ Chí Minh. Phân tích được ý nghĩa của các chiến dịch. Miền Nam hoàn toàn được giải phóng. Phân tích được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập trung phân tích ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.
<p>5. Việt Nam từ năm 1975 đến nay</p> <p>5.1. Việt Nam từ năm 1975 đến năm 1986 : Cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ biên giới của Tổ quốc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được bối cảnh và phân tích được những thuận lợi và khó khăn của nước ta sau chiến thắng năm 1975. Nêu được những thành tựu khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế xã hội ở hai miền đất nước. - Trình bày được diễn biến, nội dung cơ bản và phân tích được ý nghĩa kì họp đầu tiên của Quốc hội khoá VI (tháng 6, 7 - 1976). - Trình bày được những thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội qua hai kế hoạch 5 năm (1976 - 1980 và 1981 - 1985) : về nông nghiệp, công nghiệp, khoa học - kĩ thuật ; công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa các vùng mới giải phóng ở miền Nam. 	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Những kết quả chủ yếu của công cuộc bảo vệ biên giới Tây - Nam và biên giới phía Bắc của Tổ quốc. 	
<p>5.2. Đất nước trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (từ năm 1986 đến nay)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những thành tựu và những yếu kém của hơn 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. - Nêu được những điểm chủ yếu trong đường lối đổi mới của Đảng về kinh tế, chính trị. <ul style="list-style-type: none"> – Những kết quả chủ yếu trong quá trình đổi mới của nước ta : kinh tế, lương thực, thực phẩm ; hàng hoá trên thị trường ; đối ngoại ; cơ cấu chính trị (ổn định chính trị – xã hội, mở rộng quan hệ đối ngoại) ; bước phát triển mới về khoa học và công nghệ ; văn hoá, xã hội chuyển biến tích cực. – Phân tích được những tiến bộ và khó khăn. 	
<p>6. Tổng kết lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những nội dung cơ bản của lịch sử Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930). - Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (1954). - Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975. - Công cuộc đổi mới đất nước (1986 – nay).

IV - GIẢI THÍCH - HƯỚNG DẪN

1. Về phương pháp dạy học

- Chương trình nhấn mạnh yêu cầu khắc phục lối truyền thụ một chiều còn khá phổ biến hiện nay, chuyển mạnh sang việc dạy học phát huy tính tích cực của học sinh, chú trọng rèn luyện kỹ năng, bồi dưỡng năng lực tư duy sáng tạo của người học, khả năng vận dụng kiến thức đã biết vào các tình huống mới (trong học tập và đời sống xã hội).

- Trước hết, cần chú trọng bảo đảm tính cụ thể, tính hình ảnh, khả năng gây xúc cảm của các thông tin về các sự kiện, nhân vật lịch sử, bối cảnh xã hội,... bằng cách cho học sinh tiếp cận nhiều nguồn tư liệu lịch sử khác nhau, sử dụng nhiều phương tiện trực quan khác nhau, phù hợp với điều kiện dạy học cụ thể.

- Chú trọng tổ chức các hoạt động tự học tập của học sinh (như làm các bài tập lịch sử ở lớp, ở nhà : tra cứu tài liệu, sưu tầm tư liệu các loại về một chủ đề ; trình bày diễn biến sự việc trên bản đồ trống...).

- Trao đổi, thảo luận là điều cần làm. Cần tạo ra không khí thoải mái, dân chủ, khuyến khích học sinh trình bày ý kiến riêng, nhìn nhận và đánh giá lịch sử từ nhiều góc độ khác nhau, tránh áp đặt, bắt buộc học sinh tiếp nhận một cách thụ động kết luận của giáo viên. Chú trọng rèn luyện năng lực lập luận, trình bày vấn đề cho học sinh.

- Tìm hiểu, nắm bắt những hiểu biết, kinh nghiệm đã có của học sinh, những điều học sinh đang quan tâm, ham thích ; tận dụng những điều đó trong quá trình hình thành kiến thức, kỹ năng mới. Những gì học sinh có thể nói được, làm được thì giáo viên không làm thay.

- Nội dung dạy học không chỉ giới hạn ở sách giáo khoa, việc dạy học không chỉ diễn ra ở trong phòng học. Tận dụng mọi khả năng, điều kiện để học sinh có thể tìm hiểu lịch sử ở bảo tàng, trên hiện trường lịch sử, các di tích lịch sử, được tiếp xúc, trao đổi với các nhân chứng, nhân vật lịch sử, được vận dụng điều đã học vào việc hiểu và đánh giá các vấn đề thời sự quốc tế, đất nước, địa phương. Bước đầu rèn luyện hứng thú, ý thức và khả năng nghiên cứu lịch sử, phù hợp với trình độ và yêu cầu học tập của học sinh.

- Chú trọng rèn luyện các năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác cùng giải quyết các nhiệm vụ đặt ra cho học sinh bằng cách tổ chức làm việc theo nhóm, làm việc tay đôi.

Đổi mới phương pháp dạy học gắn liền với thiết bị dạy học cần cung cấp đầy đủ ở mức cần thiết các thiết bị dạy học Lịch sử nhằm thay đổi căn bản tình hình “dạy chay” phổ biến hiện nay, trong đó chú trọng các loại hình :

- Mô hình hiện vật, tranh, ảnh lịch sử, băng ghi âm lời nói của các nhân vật lịch sử,...
- Bản đồ, sơ đồ.
- Phim video.
- Phần mềm dạy học.

Việc thiết kế, sản xuất và sử dụng các thiết bị dạy học Lịch sử không phải theo định hướng minh họa bài giảng của giáo viên mà nhằm tạo ra các nguồn sử liệu phong phú, cụ thể, sinh động, giàu hình ảnh và giàu sức thuyết phục ; trên cơ sở đó, tổ chức các hoạt động học tập, tự tìm kiếm tri thức lịch sử của học sinh một cách tự lập, tích cực, sáng tạo. Cần quan tâm, chú ý tạo điều kiện cho học sinh làm việc trực tiếp với các thiết bị dạy học theo phương châm : Hãy để cho các giác quan của học sinh tiếp xúc nhiều hơn với các thiết bị dạy học, để cho các em suy nghĩ nhiều hơn, làm việc nhiều hơn và thể hiện mình nhiều hơn.

Các thiết bị dạy học hiện đại không đồng nghĩa với các thiết bị dạy học đắt tiền. Tính hiện đại của thiết bị dạy học thể hiện ở việc sử dụng các loại thiết bị sao cho đạt yêu cầu cao nhất trong việc thể hiện mục tiêu dạy học. Việc tìm kiếm, sản xuất các thiết bị dạy học Lịch sử, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, của vùng, làm cho học sinh hứng thú học tập, phát huy tối đa tính tích cực nhận thức của học sinh, luôn luôn đóng vai trò quan trọng. Vì vậy, cần phối hợp việc cung cấp các thiết bị dạy học từ trên xuống với phong trào sưu tầm, xây dựng thiết bị dạy học “tự tạo” của học sinh, giáo viên và các lực lượng xã hội.

2. Về đánh giá kết quả học tập của học sinh

Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh cần bám sát mục tiêu dạy học của cấp học ; đồng thời căn cứ vào chuẩn kiến thức, kĩ năng đã quy định trong chương trình.

Nội dung kiểm tra, đánh giá phải phù hợp với phạm vi, mức độ (về kiến thức, kỹ năng, thái độ) được quy định theo chương trình.

Kiểm tra miệng cần được tiến hành thường xuyên, linh hoạt : có thể vào đầu tiết học để dẫn dắt vào nội dung mới, hoặc sử dụng kết quả tham gia thảo luận, đóng góp vào bài của học sinh trong quá trình học tập. Phát triển dần các hình thức kiểm tra khác như trắc nghiệm, tự luận, thực hành,... để nâng cao trình độ nhận thức của học sinh.

Kiểm tra viết cần tiến hành có kế hoạch. Khuyến khích sử dụng kết quả làm việc của học sinh với các phiếu học tập, các bài tập trắc nghiệm. Chú trọng đánh giá các kết quả học tập ngoại khoá của học sinh như : sưu tầm, trưng bày tư liệu lịch sử theo chủ đề, viết báo cáo chuyên đề, phỏng vấn các nhân chứng lịch sử, nhân vật lịch sử,...

Các tiêu chí đánh giá (đáp án và thang điểm) cần được chuẩn bị cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai đối với mọi học sinh. Cần tạo điều kiện để học sinh tham gia đánh giá kết quả học tập của các học sinh khác trong nhóm, trong lớp và tự đánh giá bản thân.

3. Về việc vận dụng chương trình theo vùng miền và các đối tượng học sinh

Việc dạy và học môn Lịch sử ở các vùng miền, các trường chuyên biệt được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cần đảm bảo để mọi học sinh đều đạt được chuẩn kiến thức, kỹ năng bộ môn. Những học sinh có năng khiếu về Lịch sử hoặc có nhu cầu học Lịch sử sâu hơn được khuyến khích và được tạo điều kiện để phát triển năng khiếu, đáp ứng nhu cầu của các em.